

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 23/2017/DS-ST

Ngày: 25/12/2017

"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ - đào
ao nuôi tôm"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Khánh Long.

- Bà Phạm Thị Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, mở phiên tòa để xét xử dân sự sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2014/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2014 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ - đào ao nuôi tôm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 và Quyết hoãn phiên tòa số: 26/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà O.T.L, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 146, ấp G L, xã H Đ, thị xã V Ch, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Bà T.T.N.H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Đường ĐK, k2, p1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng

3. **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Ông O.L.H, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Đường ĐK, k2, p1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 Bà T.T.T, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 180A, đường N. H, k1, p 1, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

3.3 Ông T.T.To, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C. C, xã N T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T.T.T và ông T.T.To là ông Trương Tuấn Dũ, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 180A, đường Ng H, k 1, ph 1, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng

4. Những người làm chứng:

4.1 Ông L.V.P, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 45, ấp C L, xã L H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4.2 Ông N.T.H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp V. Th B, xã V H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4.3 Ông O.H.V, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G L, xã H. Đ, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2013, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn O.T.L trình bày: Vào ngày 10/9/2013 bà L có lập văn bản ký hợp đồng thi công đào ao nuôi tôm với bà T.T.N.H. Nội dung hợp đồng thỏa thuận bà T.T.N.H cho xe cơ giới xuống cải tạo đào ao nuôi tôm trên 4,5 héc-ta đất thuộc thửa đất số 08, 784, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Với giá thỏa thuận 65.000.000 đồng trên một héc-ta (10.000 m^2), $4,5\text{ héc-ta} \times 65.000.000 = 292.500.000$ đồng, quy cách cải tạo thành 08 ao nuôi tôm và 01 ao lắng, có bờ mỗi ao rộng 3m, có độ sâu là 1,4m. Về phương thức thanh toán, hai bên thỏa thuận bà L trả trước cho bà H 70% với tổng số tiền là 204.750.000 đồng, còn lại 30% là 87.750.000 đồng khi nào hoàn thành, bà L sẽ thanh toán đủ cho bà H. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận, cơm nước trong thời gian thi công đào ao do phía bà L lo cho đến khi hoàn thành các ao nuôi tôm trên. Bên thi công chỉ có trách nhiệm thi công trên diện tích đất đã thỏa thuận, mọi tranh chấp về đất đai bà L chịu trách nhiệm.

Bà L cho rằng sau khi ký hợp đồng, ông O.L.H (chồng của bà H, là người trực tiếp thi công) đã nhận tiền của bà L tổng cộng là 140.000.000 đồng, khi nhận tiền có làm biên nhận 100.000.000 đồng với bà L và nhận 40.000.000 đồng không có làm biên nhận nhưng bà L có ghi âm lại trong thẻ nhớ, cả hai lần giao nhận tiền trên đều được ông L.V.P và ông O.H.V chứng kiến. Ông Ha có cho xe vào thi công nhưng rất chậm và được một thời gian thì rút xe về nên việc thi công chưa được kết quả gì. Trong thời gian 3 tháng 10 ngày chỉ thi công được 02 ao thuộc thửa đất số 08, 784, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng như Tòa án đã thẩm định thực tế tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2016. Ao thứ nhất có diện tích 2.238 m^2 , ao thứ hai có diện tích 2.137 m^2 , chiều sâu hai ao khoảng 1,2m rồi đưa xe về không tiếp tục thi công nữa. Vợ chồng bà H, ông Ha không tiếp tục thi công là vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết chấp dứt hợp đồng đào ao nuôi tôm mà hai bên ký kết ngày 10/9/2013 với bà T.T.N.H và yêu cầu bà T.T.N.H và ông O.L.H phải trả cho bà L số tiền đã nhận là 140.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của phía bị đơn T.T.N.H yêu cầu bà L phải trả số tiền thi công đào ao nuôi tôm trong thời gian 03 tháng 10 ngày x 01 ngày là 1.800.000 đồng = 180.000.000 đồng, bà L không đồng ý. Bà L cho rằng khi giao kết hợp đồng bà L giao kết 01 héc-ta đất thi công thành ao nuôi tôm là 65.000.000 đồng không có giao kết thi công theo ngày công, việc ông Ha và bà H tính ngày công là 1.800.000 đồng là không đúng với hợp đồng. Đồng thời do bà H và ông Ha không thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận là vi phạm hợp đồng nên bà L không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn O.T.L thống nhất khối lượng công việc mà phía bị đơn đã cải tạo được 02 ao nuôi tôm theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2016 của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn T.T.N.H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan O.L.H trình bày: Thống nhất với trình bày của bà O.T.L về việc ký kết hợp đồng đào ao nuôi tôm vào ngày 10/9/2013, thống nhất các nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, về giá cả, quy cách cải tạo ao, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên như bà L đã trình bày. Ông Ha và bà H cho xe xuống thi công tại thửa đất số 08, 784, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Giày Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng hết 03 tháng 10 ngày (từ ngày 20/8/2013 đến 10/11/2013 âm lịch) nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả trước cho bà H, ông Ha số tiền 70% giá trị hợp đồng như thỏa thuận mà bà L chỉ trả tiền được 4 lần với số tiền là 17.000.000 đồng, không trả tiếp. Đồng thời, trong quá trình thi công thì ông Ha, bà H mới phát hiện diện tích đất mà ông Ha, bà H đang thi công là đất đang tranh chấp giữa bà L với bà T.T.T và ông T.T.To nên chồng bà Trinh là ông Trương Tuấn Dũ đã báo địa phương ra ngăn cản không cho ông Ha tiếp tục thi công nữa, sự việc này ông Ha có báo với bà L nhưng bà L cứ cho ông Ha tiếp tục thi công, mỗi tranh chấp bà L chịu trách nhiệm. Ông Ha thi công tiếp thì bị ông Dũ ngăn cản nên đến ngày 22/12/2013 ông Ha quyết định rút xe ủi, xe cuốc về nhà không tiếp tục thi công.

Bà O.T.L yêu cầu trả lại số tiền 140.000.000 đồng, ông Ha bà H không đồng ý. Bởi vì trong quá trình thực hiện hợp đồng thi công ông Ha, bà H chỉ

nhận của bà L số tiền là 17.000.000 đồng, không có nhận số tiền 140.000.000 như bà L trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn T.T.N.H có đơn phản tố yêu cầu bà O.T.L phải trả lại tiền công cải tạo ao nuôi tôm cho bà H trong thời gian 03 tháng 10 ngày với số tiền là: 03 tháng 10 ngày x 01 ngày 1.800.000 đồng = 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T.T.N.H rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn O.T.L, thống nhất lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2016 của Tòa án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T.T.To và bà T.T.T, người đại diện theo ủy quyền của ông Toàn, bà Trinh là ông Trương Tuấn Dũ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần 2 nhưng ông Toàn, bà Trinh, ông Dũ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp, đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để án quá thời hạn luật định là vi phạm tại Điều 203 của bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn O.T.L, tuyên bố chấm dứt hợp đồng đào ao nuôi tôm giữa bà O.T.L với bà T.T.N.H.

Các đương sự thống nhất khối lượng công việc đã cải tạo được là 02 ao nuôi tôm theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2016 của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lấy kết quả thẩm định tại chỗ trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn T.T.N.H đối với nguyên đơn O.T.L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà O.T.L yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ - đào ao nuôi tôm và yêu cầu T.T.N.H, O.L.H phải trả lại số tiền đã nhận từ việc thực hiện hợp đồng là 140.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên là tranh chấp hợp đồng dịch vụ,

được điều chỉnh tại các Điều 513 và Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu phản tố của phía bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của mình đối với nguyên đơn O.T.L. Xét thấy việc rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa những người làm chứng: ông L.V.P, O.H.V, N.T.H; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Tuấn Dĩ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét hợp đồng dịch vụ: Khi giao kết hợp đồng các bên đã thỏa thuận với nhau trên tinh thần tự nguyện và sự thỏa thuận của các bên không trái với pháp luật hoặc đạo đức xã hội, tại thời điểm giao kết các bên đều có đủ năng lực pháp luật để giao kết hợp đồng. Nguyên đơn O.T.L và bị đơn T.T.N.H đều thừa nhận có giao kết hợp đồng dịch vụ với nhau, hợp đồng được các bên lập thành văn bản. Cụ thể là "BẢN HỢP ĐỒNG v/v ủ đất ao tôm" ngày 10/9/2013 (bút lục 02), trong đó thỏa thuận về giá dịch vụ, quy cách, khối lượng, số lượng công việc phải thực hiện, quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện hợp đồng. Theo đó bà H cho xe cuốc, xe ủi vào cải tạo trên diện tích 4,5 héc-ta đất tọa lạc tại ấp Giày Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu thành 08 ao nuôi và 01 ao lắng, các ao đều có bờ rộng 3m, độ sâu 1,4m; tổng diện tích 4,5 héc-ta x 65.000.000 đồng/01 héc-ta = 292.500.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ trả trước cho phía bà H là 70% giá trị hợp đồng với số tiền là 204.750.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của các bên đương sự, căn cứ vào "Bản hợp đồng" mà các bên đã ký kết, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của các đương sự về việc giao kết hợp đồng dịch vụ là có thật, được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng dịch vụ hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân tranh chấp là do các bên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận trong hợp đồng và không có trách nhiệm với nhau để cùng nhau thực hiện hoàn tất hợp đồng mà mình đã giao kết nên vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của các bên. Cụ thể là, trong quá trình thực hiện

hợp đồng, phía nguyên đơn O.T.L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền trước 70% giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận; không cung cấp đúng, đầy đủ thông tin cần thiết về thửa đất đang hợp đồng cải tạo làm cho việc thực hiện hợp đồng của bị đơn không đạt mục đích giao kết hợp đồng. Phía bị đơn T.T.N.H có thông báo cho phía nguyên đơn biết về việc ngăn cản không cho thi công, đơn phương chấm dứt hợp đồng mà tự ý rút xe về cũng có lỗi một phần trong thực hiện hợp đồng này.

Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất chấm dứt hợp đồng, thống nhất kết quả khối lượng công việc đã cải tạo được là 02 ao nuôi tôm có diện tích 4.375.8m² tại thửa đất số 08, 784, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Giầy Lãng, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 7/7/2016 của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả thẩm định để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều khẳng định và thống nhất diện tích, giá để thực hiện hợp đồng; 01 hécta đất bằng 10 công, tương đương với 10.000m² với giá thỏa thuận là 65.000.000 đồng.

Nguyên đơn O.T.L cho rằng đã trả tiền công dịch vụ cho phía bị đơn Hoa là 140.000.000 đồng và cung cấp 01 biên nhận với nội dung “100 một trăm chiều” không có ngày tháng năm, cho rằng đây là chữ ký chữ viết của Ong Lèn Hái, đồng thời cung cấp 01 file ghi âm cho rằng đây là giọng nói của O.L.H có nhận tiền lần 2 là 40.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để chứng minh mà nguyên đơn Lê cung cấp cho Tòa án; căn cứ Kết luận giám định về chữ ký chữ viết số: 146/C54B ngày 06/4/2105 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố hồ Chí Minh (bút lục 81); Công văn trả lời trưng cầu giám định giọng nói số: 11/C54(P2) ngày 10/7/2015 của Viện khoa học hình sự (Bút lục 85); căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà nguyên đơn cung cấp, có trong hồ sơ vụ án thấy rằng không có cơ sở để chứng minh nguyên đơn đã trả tiền dịch vụ cho phía bị đơn số tiền 140.000.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày. Trong khi đó, phía bị đơn Hoa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan O.L.H không thừa nhận đã nhận số tiền 140.000.000 đồng từ phía nguyên đơn Lê. Mà chỉ thừa nhận có nhận tiền của nguyên đơn Lê 4 lần để mua dầu phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng thi công tổng cộng là 17.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của phía bị đơn, xác định số tiền 17.000.000 đồng trên là tiền công mà phía nguyên đơn Lê cho bị đơn Hoa ứng trước để làm chi phí thực hiện hợp đồng đào ao nuôi tôm.

Hội đồng xét xử căn cứ vào diện tích đất thực tế mà phía bị đơn đã thực hiện được theo kết quả thẩm định của Tòa án; căn cứ vào sự thống nhất về giá hợp đồng

là 65.000.000 đồng/01 héc-ta (tương đương 10.000m²); căn cứ khối lượng công việc mà phía bị đơn đã thực hiện để xác định chi phí tiền công dịch vụ cải tạo 4.375,8 m² đất thành 02 ao nuôi tôm như sau: 4.375,8m² đất x 65.000.000đồng/héc-ta (10.000m²) = 28.442.700 đồng. Do bị đơn T.T.N.H đã nhận trước của nguyên đơn O.T.L số tiền công 17.000.000 đồng nên nguyên đơn O.T.L còn phải tiếp tục thanh toán tiền công chi phí thực hiện hợp đồng còn lại cho bị đơn Hoa, cụ thể là 28.442.700 đồng-17.000.000 đồng = 11.442.700 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn O.T.L là có cơ sở chấp nhận một phần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 513, Điều 515; Điều 518 và Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ- đào ao nuôi tôm giữa bà O.T.L với bà T.T.N.H. Buộc bà O.T.L phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền sử dụng dịch vụ chưa thanh toán là 11.442.700 đồng cho bị đơn Hoa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện chấm dứt hợp đồng dịch vụ của nguyên đơn O.T.L được chấp nhận một phần, Tòa án không xem xét giá trị của hợp đồng nên bị đơn T.T.N.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng, được quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XII và khoản 3 Điều 17 của Nghị Quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối Cao.

Nguyên đơn O.T.L phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ của mình phải thực hiện quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XII và khoản 3 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012. Theo đó nguyên đơn O.T.L phải chịu án phí là: 11.442.700 đồng x 5% = 572.135 đồng.

[4] Về chi phí thẩm định: Tổng cộng là 2.230.040 đồng. Do hai bên đều có nghĩa vụ với nhau về tài sản nên cùng phải chịu chi phí đo đạc thẩm định. Cụ thể là: Bị đơn T.T.N.H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan O.L.H phải chịu 1.115.020 đồng; nguyên đơn O.T.L phải chịu 1.115.020 đồng. Do bà O.T.L đã nộp trước chi phí thẩm định và trực tiếp hợp đồng đo đạc, thanh toán với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Vĩnh Châu xong số tiền nêu trên nên bà T.T.N.H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà L số tiền chi phí thẩm định là 1.115.020 đồng.

[5]Về chi phí giám định do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn Lê không có căn cứ nên nguyên đơn Lê phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự là 3.040.000 đồng. Nguyên đơn Lê đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; Điều 146, Điều 147, Điều 157; khoản 1 Điều 161; Khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Các Điều 468; Điều 513; Điều 517; Điều 518 và Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XII và khoản 3 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn O.T.L đối với bị đơn T.T.N.H. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ - đào ao nuôi tôm ngày 10/9/2013 giữa nguyên đơn O.T.L với bị đơn T.T.N.H kể từ ngày 22/12/2013.

- Bà O.T.L có nghĩa vụ thanh toán cho bà T.T.N.H số tiền công chi phí còn lại từ việc thực hiện hợp đồng dịch vụ là 11.442.700 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T.T.N.H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà O.T.L còn phải trả lãi cho T.T.N.H theo mức lãi suất 10% /năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn T.T.N.H đối với nguyên đơn O.T.L về việc bồi thường chi phí thực hiện hợp đồng dịch vụ là 180.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn O.T.L phải chịu án phí là 572.135 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001132 ngày 21 tháng 03 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Bà O.T.L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm đồng thời được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 2.927.865 đồng

- Bị đơn T.T.N.H phải chịu án là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005509 ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Bà T.T.N.H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm đồng thời được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 4.300.000 đồng.

4. Chi phí định thẩm định đo đạc: Buộc bà T.T.N.H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền là 1.115.020 đồng cho bà O.T.L.

5. Chi phí giám định: Nguyên đơn O.T.L phải chịu là 3.040.000 đồng. Bà L đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Các khoản tiền trên nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự
- THA Dân sự thị xã Vĩnh Châu
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn